

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN QUAN HÓA  
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/HNGĐ-ST

Ngày 11-8-2020

V/v: Không công nhận quan hệ  
vợ chồng.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUAN HÓA, TỈNH THANH HÓA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Tiến Dũng.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Văn Tám

2. Ông Hoàng Văn Hùng

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Trọng Tiến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Hóa tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 11/8/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 32/2019/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2019 về việc: “Không công nhận là vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị Cao Thị T, sinh năm 1973

Trú tại: Bản Sa Lắng, xã Phú Xuân, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

**2. Bị đơn:** Anh Phạm Thanh N, sinh năm 1966

Trú tại: Bản Sa Lắng, xã Phú Xuân, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, bản ghi lời khai và quá trình giải quyết, xét xử, nguyên đơn Cao Thị T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Thanh N tự do tìm hiểu, yêu đương, không bị ai ép buộc, hai người hoàn toàn tự nguyện đến với nhau, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán tại địa phương vào đầu năm 1994, anh chị chỉ mời mời anh em họ hàng đến chứng kiến, anh chị không đi đăng ký kết hôn. Cưới xong, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian dài tại bản Sa lắng, xã Phú Xuân, huyện Quan Hóa. Đến năm 2013, thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, dẫn đến không tìm được nói chng trong hôn nhân. Tuy đã đã được gia đình hai bên nội ngoại và chính quyền địa phương hòa giải nhiều lần, nhưng tình cảm vợ chồng không thể cải thiện được, mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc đã không thành, từ đó đến nay chị và anh N đã sống ly thân,

không ai quan tâm đến ai. Nay, mong Tòa án xem xét giải quyết không công nhận chị và anh Phạm Thanh N là vợ chồng.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị và anh N có 01 con chung, tên cháu là Phạm Bá C, sinh ngày 13/10/1997, hiện nay cháu đang phục vụ trong quân đội, cháu đã trưởng thành, cháu ở với ai tự cháu quyết định.

Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị tự nguyện nộp án phí sơ thẩm.

*Tại Biên bản lấy lời khai và quá trình giải quyết và tại phiên hòa giải, bị đơn Phạm Thanh N trình bày:*

Về Hôn nhân: Anh đã được nhận đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ mà phía nguyên đơn cung cấp, anh thấy chị Cao Thị T trình bày là đúng một hoàn toàn sự thật, anh chị đến với nhau hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, không ai ép buộc ai và anh chị không đăng ký kết hôn theo quy định. Năm 2013 chị T đi làm thuê, sau đó trở về nhà đòi ly hôn, anh không hiểu nguyên do. Theo anh, thì cuộc sống vợ chồng anh chị mâu thuẫn không có gì là trầm trọng, anh mong muốn chị T suy nghĩ lại, quay về cùng đoàn tụ. Nguyên vọng của anh là không muốn chấm dứt mối quan hệ vợ chồng với chị Cao Thị T, vì anh vẫn còn thương yêu vợ.

Về con chung: Anh đồng ý với trình bày của chị T, đó là anh chị có 01 con chung là cháu Phạm Bá C, nay cháu đang phục vụ trong quân đội, cháu đã trưởng thành nên cháu muốn ở cùng với ai, do cháu quyết định. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Thống nhất với ý kiến của nguyên đơn, không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Thống nhất với ý kiến của nguyên đơn.

***Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:***

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về chấp hành pháp luật của đương sự: Các đương sự đã tham gia đầy đủ các bước tố tụng, nên các đương sự chấp hành tốt quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Chị Cao Thị T và anh Phạm Thanh N đã chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994, đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn là đã không tuân thủ quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình. Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Phạm Bá C, sinh ngày 13/10/1997, nay cháu đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên chấp nhận.

Về tài sản, nợ nần chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên chấp nhận đề nghị này.

Về án phí và kháng cáo: Chị Cao Thị T tự nguyện chịu án phí.

***Đề nghị áp dụng:***

Điều 28, điều 35, điều 68, điều 266, điều 273, điều 278 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 147, điều 148 Bộ luật dân sự;

Điều 9, điều 11 luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000;

Điều 9, điều 11, điều 13, điều 14, điều 15, khoản 2 điều 53, điều 57, điều 58 Luật HN&GD năm 2014;

Điểm b mục 1 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội khóa X;

Khoản 1 điều 24, khoản 5 điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

Chấp nhận toàn bộ đơn yêu cầu của chị Cao Thị T.

Về hôn nhân: Không công nhận chị Cao Thị T và anh Phạm Thanh N là vợ chồng.

Về con cái, cấp dưỡng, tài sản: Không giải quyết.

Về án phí và kháng cáo: Chị Cao Thị T tự nguyện chịu án phí. Nên chị Cao Thị T phải nộp 300.000 đồng phí HNGĐ sơ thẩm và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ điều 28, điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự; điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình. Xét thấy, chị Cao Thị T và anh Phạm Thanh N đều có địa chỉ tại: Bản Sa Lắng, xã Phú Xuân, huyện Quan Hóa, nên Tòa án nhân dân huyện Quan Hóa thuộc thẩm quyền giải quyết vụ án này.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Theo quy định tại điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là “Tranh chấp về Hôn nhân và Gia đình của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn”. Căn cứ điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự, thì chị Cao Thị T là nguyên đơn, anh Phạm Thanh N là bị đơn.

[3] Việc chấp hành pháp luật của Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa, thì người tiến hành luôn tiến hành đầy đủ các bước theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, gồm: Thông báo thụ lý vụ án; triệu tập ghi lời khai; kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải..... theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và đã tổng đạt đầy đủ, đúng thời gian các thủ tục tố tụng cho người tham gia tố tụng. Các đương sự luôn chấp hành tốt quyền và nghĩa vụ của mình trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa.

[4] Về Hôn nhân: Chị Cao Thị T và anh Phạm Thanh N được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 1994, theo phong tục tập quán địa phương, đến nay đã đủ điều kiện đăng ký kết hôn, nhưng anh chị vẫn không đăng ký kết hôn theo luật định. Theo quy định tại khoản 1 điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì “Quan hệ hôn nhân và gia đình được xác lập trước ngày Luật này có hiệu lực thì áp dụng Luật về hôn nhân và gia đình tại thời điểm xác lập để giải quyết”. Như vậy, tại thời điểm xác lập quan hệ chung sống như vợ chồng giữa chị Cao Thị T và Phạm Thanh N thì pháp luật được áp dụng để giải quyết là Luật Hôn nhân Gia đình năm 2000 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Việc chị Cao Thị T và anh Phạm Thanh N chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994, đến nay vẫn không đăng ký kết hôn là đã không tuân thủ

quy định tại điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 nay là điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Khoản 1 điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 quy định: *“Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo nghi thức quy định tại điều 14 của Luật này. Mọi nghi thức kết hôn không theo quy định tại điều 14 của luật này đều không có giá trị pháp lý.*

*Nam nữ không đăng ký kết hôn và chung sống với nhau như vợ chồng thì không được pháp luật công nhận là vợ chồng”.*

Đối chiếu với quy định pháp luật thấy rằng: Tại điểm b mục 1 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội khóa X về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: *“Nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03/01/1987 đến ngày 01/01/2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm, kể từ ngày luật này có hiệu lực cho đến ngày 01/01/2003; trong thời hạn này mà họ không đăng ký kết hôn, nhưng có yêu cầu ly hôn thì Tòa án áp dụng các quy định về ly hôn của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 để giải quyết. Từ sau ngày 01/01/2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng”.*

Vì vậy, chị Cao Thị T và anh Phạm Thanh N phải đi đăng ký kết hôn theo quy định, nhưng cho đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn theo quy định, thể hiện ý thức chấp hành pháp luật chưa nghiêm túc.

Hơn nữa, theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, thì: Tại khoản 1 điều 14 quy định: *“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.....”*

Khoản 2 điều 53 quy định: *“Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 điều 14 của Luật này....”*

Do vậy, quan hệ chung sống như vợ chồng giữa chị Cao Thị T và anh Phạm Thanh N phải được giải quyết bằng bản án tuyên bố anh chị không phải là vợ chồng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát cũng đề nghị HĐXX không công nhận chị Cao Thị T và anh Phạm Thanh N là vợ chồng. Nên Hội đồng xét xử tuyên bố: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Cao Thị T và anh Phạm Thanh N.

[5] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Trong quá trình chung sống thì anh chị có 01 con chung, tên là Phạm Bá C, sinh ngày 13/10/1997, nay đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên HĐXX không xét.

[6] Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[7] Về án phí và quyền kháng cáo, kháng nghị: Chị Cao Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điều 28, điều 35, điều 68, điều 266, điều 273, điều 278 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 147, điều 148 Bộ luật dân sự;

Điều 9, điều 11 luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000;

Điều 9, điều 11, điều 13, điều 14, điều 15, khoản 2 điều 53, điều 57, điều 58 Luật HN&GD năm 2014;

Điểm b mục 1 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội khóa X;

Khoản 1 điều 24, khoản 5 điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

### ***Tuyên xử:***

1. Về Hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Cao Thị Tính và anh Phạm Thanh Nghị.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ nần chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Chị Cao Thị T phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí HNGĐ sơ thẩm, số tiền này được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2015/0004309 ngày 15/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quan Hóa.

*Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật Thi hành án dân sự.*

Án xử công khai, có mặt nguyên đơn và bị đơn. Chị Cao Thị T và anh Phạm Thanh N có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định.

### ***Nơi nhận:***

- Phòng KTNV-THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Hóa;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục Thi hành án dân sự H. Quan Hóa
- UBND xã Phú Xuân, H. Quan Hóa, Thanh Hóa;
- Nguyên đơn Cao Thị T;
- Bị đơn Phạm Thanh N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Tiến Dũng**

